

Bản án số: 225/2019/DS-ST

Ngày: 03-9-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Bà Nguyễn Kim X.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số lý 44/2019/TLST-DS ngày 25/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐST-DS ngày 11/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-DS ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; địa chỉ trụ sở: 89 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: lầu 02, tòa nhà số 296 đường D, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đại K, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 15051/2019/UQ-AMCPN ngày 09/5/2019) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Công Y, sinh năm 1981 và bà Lý Thị Phương X, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: 38 lô D, tổ N, khu phố M, phường R, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu như sau:

Ngày 26/10/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (từ đây viết tắt là Ngân hàng) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD với ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X, theo đó các bên thỏa thuận như sau: Ngân hàng đồng ý cho ông Y và bà X vay số tiền 466.000.000đ (bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng); thời hạn vay 48 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,49%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; mục đích vay là mua xe ô tô Honda City mới 100%. Cũng trong ngày 26/10/2016, Ngân hàng tiến hành giải ngân số tiền vay cho ông Y và bà X theo Khế ước nhận nợ số 01/9463567/NTT/HĐTD. Thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 26, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/11/2016, tổng cộng 48 kỳ. Số tiền nợ gốc mà ông Y bà X phải trả mỗi kỳ là 9.709.000đ (chín triệu bảy trăm lẻ chín ngàn đồng), riêng kỳ cuối trả dứt nợ vay; các kỳ nợ lãi phải trả cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 26, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 26/11/2016.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 26/10/2016, giữa Ngân hàng với ông Y và bà X ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 9463576/NTT/HĐTCSP đối với 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Honda City 1,5CVT, số khung RLHGM6661GY701496, số máy L15Z12311497, biển kiểm soát 51F-950.81 do bà Lý Thị Phương X đứng tên sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 212788 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 26/10/2016 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y bà X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể như sau: Tính đến ngày 03/9/2019 ông Y bà X còn nợ lại Ngân hàng tiền vốn gốc là 359.201.000đ (ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm lẻ một ngàn đồng); tiền lãi 113.376.035đ (một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), tổng cộng: 472.577.035đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm ba mươi lăm đồng).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 buộc ông Y bà X phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên. Ngoài ra, ông Y bà X còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng kể từ ngày 04/9/2019 cho đến ngày ông Y bà X trả hết số tiền còn nợ. Trường hợp ông Y bà X không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ dư nợ.

Bị đơn ông Lê Công Y, bà Lý Thị Phương X đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đại Thuận có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐST-DS ngày 11/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-DS ngày 08/8/2019 nhưng ông Y, bà X vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Y và bà X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, có cơ sở cho rằng:

Nguyên đơn có cho bị đơn vay theo hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016, giải ngân theo khế ước nhận nợ số 01/9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 với số tiền vay 466.000.000đ, mục đích vay: mua xe ô tô Honda City, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8.49%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần. Tài sản thế chấp là xe ô tô Honda City đứng tên chủ sở hữu là ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X, được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Y và bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt thực hiện đối với Hợp đồng tín dụng.

Dư nợ tính đến ngày: 03/9/2019 là 472.577.035đ, trong đó nợ gốc là 359.201.000đ, lãi là 113.376.035đ.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 đảm bảo quy định về mặt nội dung và hình thức, do đó có giá trị thực hiện. Bị đơn đã vi phạm những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, do đó ngân hàng chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 7 hợp đồng là phù hợp. Về lãi suất: các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 8.49%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần là phù hợp với quy định.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ, nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng sẽ tiến hành phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét yêu cầu này là có cơ sở nên chấp nhận.

Ngoài ra ngân hàng yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn do việc chậm thi hành án cho đến khi trả xong số nợ theo lãi suất thỏa thuận: yêu cầu này là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 299, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X phải trả số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số

9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 nên đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 688, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 thể hiện ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X tại thời điểm ký kết với Ngân hàng có địa chỉ tại 38 lô D, tổ N, khu phố M, phường R, quận PThành phố Hồ Chí Minh, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường Phú Thuận Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn là ông Lê Công Y, bà Lý Thị Phương X có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện nay đã đi đâu không rõ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1 Yêu cầu về tiền vốn gốc và tiền lãi:

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 giữa Ngân hàng và bị đơn ông Lê Công Y, bà Lý Thị Phương X cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận Ngân hàng có cho ông Y bà X vay số tiền 466.000.000đ (bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Căn cứ vào bản kê tính lãi của Ngân hàng xác định ông Y, bà X còn nợ lại Ngân hàng 359.201.000đ (ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm lẻ một ngàn đồng) tiền vốn gốc và tiền lãi tính đến ngày 03/9/2019 là 113.376.035đ (một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), tổng cộng: 472.577.035đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm ba mươi lăm đồng)

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân

hàng về việc buộc bị đơn là ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 472.577.035đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), trong đó tiền vốn gốc là 359.201.000đ (ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm lẻ một ngàn đồng); tiền lãi 113.376.035đ (một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm ba mươi lăm đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 04/9/2016, ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X còn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về yêu cầu phát mãi tài sản chế chấp là 01 xe ô tô con biển số 51F-950.81,:

Căn cứ vào Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 9463567/NTT/HĐTCCSP ngày 26/10/2016 giữa Ngân hàng và ông Lê Công Y, bà Lý Thị Phương X, Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 26/10/2016 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh, đủ căn cứ kết luận: tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại City, số khung RLHGM6661GY701496, số máy L15Z12311497, biển số 51F – 950.81 do bà Lý Thị Phương X đứng tên sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 212788 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016.

Căn cứ vào các Điều 223, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 299, Điều 303 Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại City, số khung RLHGM6661GY701496, số máy L15Z12311497, biển số 51F – 950.81 trong trường hợp ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ lại thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi toàn bộ dư nợ.

[4] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 688, Điều 463, Điều 223, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 299, Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đại Thuận, ông Nguyễn Văn Điền, bị đơn ông Lê Công Y, bà Lý Thị Phương X

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

- Buộc ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày 03/9/2019 phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 tổng số tiền 472.577.035đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), trong đó tiền vốn gốc là 359.201.000đ (ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm lẻ một ngàn đồng); tiền lãi 113.376.035đ (một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm ba mươi lăm đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 04/9/2019, ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 9463567/NTT/HĐTD ngày 26/10/2016 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ lại.

- Sau khi ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X thanh toán hết nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có trách nhiệm tiến hành làm thủ tục giải chấp và hoàn trả lại cho ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X bản chính: Giấy hẹn do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016 và Giấy đăng ký xe ô tô số 212788 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016.

- Trong trường hợp ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại City, số khung RLHGM6661GY701496, số máy L15Z12311497, biển số 51F – 950.81 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 212788 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2016 để thu hồi nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Công Y và bà Lý Thị Phương X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.903.081đ (hai mươi hai triệu chín trăm lẻ ba ngàn không trăm tám mươi một đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.929.737đ (chín triệu chín trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0026629 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Ngọc Phương